

Bản án số: 22/2018/DS-ST;
Ngày 19/11/2018.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đào Thị Xê.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2018/TLST- DSST ngày 10/9/2018, về: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐHPT ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam TV

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn Ph - Cán bộ xử lý nợ.

(*Giấy uỷ quyền số 1938/2018/UQ-VPB ngày 22/8/2018 của Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng*). Có mặt.

*** Bị đơn:** + Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1976, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- + Chị Đỗ Thanh H, sinh năm 1995, *vắng mặt*.
- + Chị Đỗ Thùy L, sinh năm 2002, *vắng mặt*.
- + Cháu Đỗ Hoàng L, sinh năm 2011.

(Người đại diện hợp pháp cháu Đỗ Hoàng L là ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H là bố, mẹ đẻ của cháu), *vắng mặt*.

Đều trú tại: Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày:***

Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H vay vốn tại VP theo Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho Khách hàng cá nhân), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015:

- + Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn);
- + Thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày 23/12/2015 đến ngày 23/12/2025;
- + Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình;
- + Lãi suất trong hạn: Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9.99%/năm cố định trong vòng 24 tháng. Hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 23/12/2017, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/01/2018, mức điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,5 %/năm.

Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho Khách hàng cá nhân):

- + Loại thẻ: VP;
- + Hạn mức đề nghị: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng);
- + Mục đích sử dụng: Tiêu dùng;
- + Lãi suất: Theo quy định của VP về các sản phẩm thẻ tín dụng;
- + Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: A; Tờ bản đồ số: 0; Diện tích thửa đất: 87,3 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 848644, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01861 do UBND huyện Hoài c, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/07/2011 đứng tên ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Tài sản đã thế chấp tại VP theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5458/2015, Quyền số: TP/CC-SCC/HĐGD ký

ngày 19/12/2015 giữa ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H với VP tại Văn phòng công chứng Kinh Đ, thành phố Hà Nội. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. (Khoản 1 Điều 2 HĐ thế chấp).

+ Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị Hg đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Trong hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015, Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H tham gia chương trình lãi suất vay ưu đãi theo Quyết định số 786/2015/QĐ - TGD - lựa chọn 3: Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H còn phải hoàn trả lại cho Bên Ngân hàng khoản tiền ưu đãi được nhận tính bằng công thức: $2\% \times \text{dư nợ ban đầu} \times \text{số tháng đã được hỗ trợ}$. (Khoản 2 Điều 4 và Khoản 4 Điều 4 HĐTD).

Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H đã chi tiêu số tiền vay thế tín dụng là: 100,000,000 đồng.

+ Tạm tính đến ngày 19/11/2018, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H đã trả VP theo Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015 số tiền trả là: 107,130,940 đồng (Trong đó: Trả nợ gốc: 54,091,977 đồng; Trả nợ lãi: 52,826,761 đồng; Trả lãi phạt: 212,202 đồng).

+ Tạm tính đến ngày 19/11/2018, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H đã trả VP theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho Khách hàng cá nhân) số tiền là: 72,700,000 đồng (Trong đó: Trả nợ gốc: 41,843,498 đồng; Trả nợ lãi: 30,856,502 đồng).

+ Tạm tính đến ngày 19/11/2018, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị Hg còn nợ VP tổng số tiền là: **714,573,711 đồng** (Nợ gốc: 504,064,525 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7,204,363 đồng; Nợ lãi quá hạn: 161,015,763 đồng; Hoàn trả ưu đãi: 20,000,000 đồng; Lãi phạt: 22,289,061 đồng). Chi tiết từng Hợp đồng cụ thể như sau:

+ Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H còn nợ VPBank theo Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015 số tiền là: 621,424,447 đồng (Nợ gốc: 445,908,023 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7,204,363 đồng; Nợ lãi quá hạn: 126,023,001 đồng; Hoàn tiền ưu đãi: 20,000,000 đồng; Lãi phạt: 22,289,061 đồng).

+ Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H còn nợ VP theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho Khách hàng cá nhân) số tiền là: 93,149,264 đồng (Nợ gốc là: 58,156,502 đồng; Nợ lãi quá hạn: 34,992,762 đồng).

+ VP xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu lãi phạt số tiền: 22,289,061 đồng.

I. VP đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Yêu cầu ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho VPk toàn bộ số tiền dư nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 19/11/2018, khoản tiền là:

1. Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải trả cho VP số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015 tính đến ngày 19/11/2018 là: 599.135.387 đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 445.908.023 đồng; Nợ lãi là: 133.227.364 đồng; Hoàn trả ưu đãi là: 20.000.000 đồng).

Kể từ ngày 20/11/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho VP, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015.

2. Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải trả cho VP số tiền theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2015, tính đến ngày 19/11/2018 tổng số tiền là: 93.149.264 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 58.156.502 đồng; Nợ lãi quá hạn: 34.992.762 đồng).

Kể từ ngày 20/11/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho VP, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị Hg còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2015.

3. Trong trường hợp ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị Hg không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VP có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: A; Tờ bản đồ số: 0; Diện tích thửa đất: 87,3 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn , xã Song Pg, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 848644, do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/07/2011 đứng tên ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị Hg. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.*

Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

****Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày.***

Năm 2015 do cần tiền mua sắm vật dụng gia đình tôi và chồng tôi là anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1976 có vay của Ngân hàng VP như sau:

1. Theo hợp đồng tín dụng số 55 ngày 23/12/2015 vợ chồng tôi vay của Ngân hàng VP số tiền là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng từ ngày 23/12/2015 đến ngày 23/12/2025. Lãi trong hạn là lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,99%/năm cố định trong vòng 24 tháng. Hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm

Sau đó căn cứ vào đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng quốc tế vợ chồng tôi được vay số tiền thẻ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) chồng tôi đã rút khoảng hơn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tính cho đến nay vợ chồng tôi còn nợ Ngân hàng VP là 02 khoản, bao gồm: Nợ gốc 504.064.525đồng. Nợ lãi là 136.797.920 đồng.

Vợ chồng tôi có thể chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số A; tờ bản đồ số 0; diện tích 87,3m², tại Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội của vợ chồng tôi để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi xác nhận số nợ là đúng và đồng ý trả nợ nhưng cho trả dần vào tiền gốc trước và xin giảm lãi ngoài ra không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

****Bị đơn ông Đỗ Thanh B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thanh H, chị Đỗ Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc và cũng không cung cấp lời khai nên không có quan điểm về vụ kiện.***

****Tại Biên bản xác minh ngày 11/10/2018, Ủy ban nhân dân xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cung cấp:***

Hiện nay người đang quản lý thửa đất số A, tờ bản đồ số 0, diện tích 87,3m², tại Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H.

Những người đang sinh sống trên thửa đất gồm có ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H, cùng các con là chị Đỗ Thanh H, chị Đỗ Thùy L và cháu Đỗ Hoàng L ngoài những người đó ra không còn ai quản lý và sử dụng thửa đất đó.

****Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:***

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về buộc ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký và số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

Trong trường hợp ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VP có quyền yêu cầu cơ quan

Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: A; Tờ bản đồ số: 0; Diện tích thửa đất: 87,3 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/07/2011 đứng tên ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H.*

Về án phí: Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1]. Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, bị đơn là ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H có Hộ khẩu thường trú tại xã Song P, huyện Hoài Đức. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thanh H, chị Đỗ Thùy L và cháu Đỗ Hoàng L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1]. Ngày 23/12/2015, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 5555934 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng VP với nội dung: Số tiền vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dung mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình, thời hạn vay: 120 tháng kể từ giải ngân vốn vay đầu tiên. Ngân hàng VP đã giải ngân cho ông B, bà H số tiền vay là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

- Về nội dung, hình thức: Hợp đồng tín dụng số 5555934, ngày 23/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng VP và ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều

17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối về nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H không thực hiện việc trả nợ theo cam kết, nhiều lần Ngân hàng thông báo yêu cầu ông B, bà H trả nợ nhưng ông B, bà H không thực hiện. Do đó ông B, bà H là bên có lỗi và vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả của giao dịch đã giao kết theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận tại mục 3, Điều 7 Hợp đồng tín dụng số 5555934 ngày 23/12/2015, khi ông B, bà H chậm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi thì phải thanh toán toán lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có tranh chấp về các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký như: Tiền gốc, tiền lãi, biện pháp bảo đảm,...vv.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng VP, buộc ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 934 ngày 23/12/2015 tính đến ngày 19/11/2018 tổng số tiền là **599.135.386 đồng** (*Năm trăm chín mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng*), bao gồm: 445.908.203 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi ba đồng*) tiền gốc và lãi phải trả là 133.227.364 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*) và Hoàn trả ưu đãi là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu của Ngân hàng VP buộc ông B, bà H phải chịu khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 934 ngày 23/12/2015 kể từ ngày 20/11/2018 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó cần buộc ông B, bà H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 54 ngày

23/12/2015 kể từ ngày 24/8/2018 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

[2.4]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng VP và ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản đối với tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số A, tờ bản đồ số 0, diện tích 87,3m², tại địa chỉ: Thôn , xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng Quyền số 04-ngày 19/12/2015 tại văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 848644, vào sổ cấp GCN:CH 01861 do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2011 cho ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003, Điều 342, Điều 343, Điều 344 và các Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân hàng VP đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông B, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5]. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được trả nợ dần và Ngân hàng giảm lãi cho gia đình, tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận, đồng thời đây không phải là một thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về thanh toán khoản tiền sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế (dành cho khách hàng cá nhân).

Ngày 17/12/2015, ông Đỗ Thanh B ký với Ngân hàng VP với hạn mức đề nghị 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), loại thẻ VP., mục đích vay tiêu dùng với lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VP quy định tại từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đỗ Thanh B đã rút số tiền 167,002,063 đồng và đã trả cho Ngân hàng VP số tiền 80,740,000 đồng số tiền còn phải trả là 93.149.264 đồng tiền gốc và lãi.

Như vậy ông Đỗ Thanh B đã sử dụng khoản tiền được VP cung cấp qua Thẻ tín dụng, đến nay ông B không thanh toán cho Ngân hàng VP số dư nợ đã sử dụng; tuy bà H không cùng ký Thẻ tín dụng với Ngân hàng nhưng xét bà H là vợ ông B nên cũng phải chịu trách nhiệm liên đới với khoản tiền ông B đã rút từ Thẻ tín dụng. Do đó, cần buộc ông B và bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho VP số tiền đã sử dụng và số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/11/2018 gồm: Nợ gốc là: **58,156,502** đồng; Nợ lãi quá hạn: **34.992.762** đồng.

Về yêu cầu của Ngân hàng VP buộc ông B, bà H phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền rút theo Thẻ tín dụng chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày 20/11/2018 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó cần buộc ông B và bà H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số tiền rút theo Thẻ tín dụng chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày 20/11/2018 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

Xét yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp khi ông B và bà H không thanh toán được khoản nợ rút từ Thẻ tín dụng, tại Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/12/2015 đã thể hiện, tài sản thế chấp đảm bảo cho mọi nghĩa vụ về vay nợ của ông B, bà H tại Ngân hàng, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc nếu ông B và bà H không thanh toán được khoản nợ rút từ Thẻ tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[3]. Tại phiên tòa, Đại diện Ngân hàng VP. có đề nghị rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả là 22.289.061đồng, xét sự tự nguyện của Ngân hàng không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của VKS nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về nội dung hợp đồng tín dụng của nguyên đơn và xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả được khoản vay nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2011;

Căn cứ vào các Điều 319, 342, 343, 344, 347, 637, 715, 716, 717, 719 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 54 ngày 23/12/2015, tính đến ngày 19/11/2018 tổng số tiền là **599.135.386 đồng** (*Năm trăm chín mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng*), bao gồm: 445.908.203 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi ba đồng*) tiền gốc; lãi phải trả là 133.227.364 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*) và Hoàn trả ưu đãi là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày 20/11/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5555934 ngày 23/12/2015.

3. Buộc ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Thỏa thuận về Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2015, tính đến ngày 19/11/2018 tổng số tiền là **93.149.264 đồng** (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*), bao gồm nợ gốc 58.156.502 đồng; Nợ lãi quá hạn: 34.992.762 đồng).

Kể từ ngày 20/11/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng, ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2015

4. Trong trường hợp ông Đỗ Thanh B và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số A, tờ bản đồ số 0, diện tích 87,3m², tại địa chỉ: Thôn, xã Song Pg, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng -2015TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2015 tại văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 8, vào sổ cấp GCN:CH 01861 do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2011 đứng tên ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

5. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

6. Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

7. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng về số tiền lãi phạt là 22.289.061 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi một đồng*).

8. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

9. Về án phí:

- Ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị H phải chịu 15.845.500 đồng (*Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 11.347.000đ (*Mười một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0008347 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài c, thành phố Hà Nội.

10. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- VKSND. huyện Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ